

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17B Phù Đổng Thiên Vương – Phường 8 – Đà Lạt
Điện thoại: (063).3832511-3828127 Fax: (063).3830142-554065
Email: lbm@lbm-vn.vn Website: www.lbm-vn.vn



L B M

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM BÁO CÁO: 2012



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52 /2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Năm báo cáo: 2012

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 059249 đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 11 năm 2011 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh lâm Đồng cấp

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng

Địa chỉ: 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt Lâm đồng

Số điện thoại: 0633.828127 - Số fax: 0633.554065

Website: www.lbm-vn.vn

Mã cổ phiếu: LBM

2. Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hoạt động của Công ty:

Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thành lập theo quyết định số 981/QĐ-UB ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Lâm Đồng. Khi thành lập Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó - Di linh (Công ty cổ phần Hiệp Thành hiện nay) và Xí nghiệp Xây lắp và Kinh doanh VLXD Đức Trọng và 03 phân xưởng SX đá xây dựng. Nguồn vốn kinh doanh 1,5 tỷ đồng, tổng số lao động có 123 người - trong đó có 06 lao động có trình độ đại học và 11 lao động có trình độ trung cấp.

Tháng 12/1999 Công ty thực hiện cổ phần hoá Xí nghiệp Vật liệu xây dựng số 1 Tam Bó Di linh thành Công ty cổ phần Hiệp thành - vốn điều lệ 12,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 58,4% vốn điều lệ.

Tháng 11/2002, Trung tâm Giới thiệu và Kinh doanh VLXD được tách ra thành lập Công ty cổ phần Hiệp Phú - vốn điều lệ 03 tỷ đồng, trong đó Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng nắm giữ 35% vốn điều lệ.



Công ty Vật liệu xây dựng Lâm Đồng thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 35/2003/QĐ-UB của UBND tỉnh Lâm Đồng ngày 17/3/2003 và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 - vốn điều lệ 10 tỷ đồng, đến quý IV/2004 tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng.

• Ngày 20/12/2006 Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM). Năm 2007 Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ lên 41.355.560.000 đ.

• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 059249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lâm Đồng cấp ngày 28/5/2003 thay đổi lần 4 ngày 18/06/2007 đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng . Hiện nay Cty đã bổ sung thêm ngành nghề và đăng ký thay đổi giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 059249 lần thứ 7 vốn điều lệ 85 tỷ đồng.

• Ngày 01/10/2011 Công Ty đã đầu tư vốn 100 % để thành lập Cty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát là Công Ty con

Quá trình phát triển:

Qua nhiều năm hoạt động Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng không ngừng phát triển với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10% năm, tổng tài sản trên 150 tỷ đồng. Đội ngũ lao động có năng lực và tâm huyết với công việc, với sự phát triển của Công ty. Tổng số lao động hiện có năm 2012 là 488 người (Trong đó tại Cty mẹ đến thời điểm cuối năm là 344 người giảm so với đầu năm 138 người) Trong đó đại học là 61 người, có trình độ cao đẳng, trung cấp, lao động có tay nghề 221 người và trên 200 công nhân lao động phổ thông .

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh:

Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản. Hoạt động xuất nhập khẩu. Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt. Sản lập mặt bằng, kinh doanh phát triển nhà. Vận chuyển hàng hóa. Trồng rừng.

– Địa bàn kinh doanh:

Công Ty hoạt động tại trụ sở chính tại 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt Lâm Đồng gồm:

Văn phòng Công Ty: 17 B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Các Xí nghiệp thành viên:

- Xí nghiệp Hiệp An: Hiệp An – Đức Trọng
- Xí nghiệp Hiệp Lực: Cam Ly Đà Lạt – NthonHa Đức Trọng
- Xí nghiệp Hiệp Tiến: Lộc Tân – Bảo Lộc
- Xí nghiệp Thạnh Mỹ: Thạnh Mỹ- Đơn Dương

Công ty con:

- Công ty CP Hiệp Thành: Tam Bó -Di Linh
- Công ty CP Hiệp Thịnh Phát: 17 B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Công ty Liên kết:

- Công ty CP Hiệp Phú: Đà Lạt Lâm Đồng (Chấm dứt liên kết tháng 01/2012)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:

Chủ tịch hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc điều hành công ty

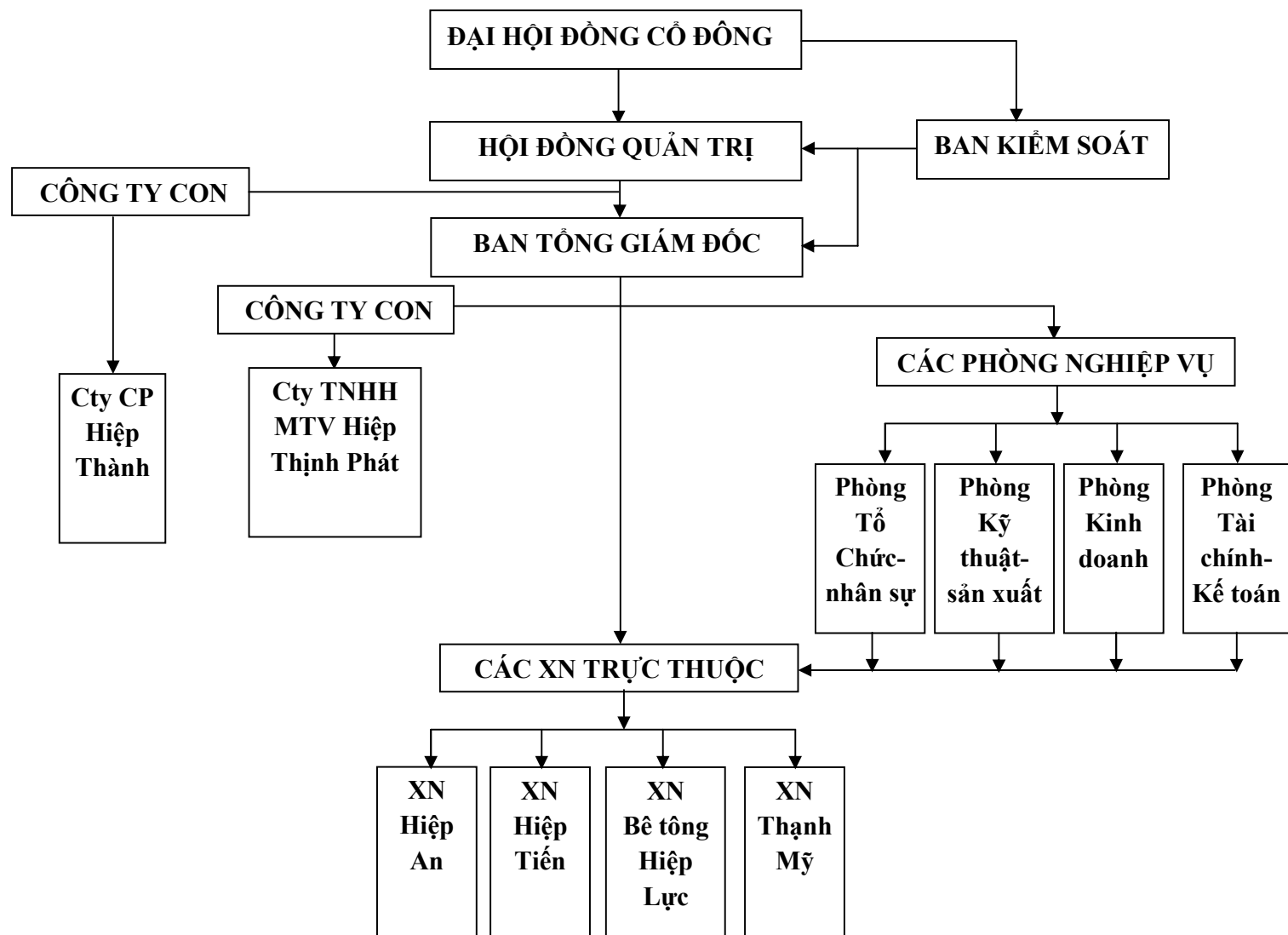
- Cơ cấu bộ máy quản lý.



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065





Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con:

- Công Ty CP Hiệp Thành: Địa chỉ Tam Bó Di Linh – Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh gạch ngói tuy nen, vận tải hàng hóa , Thi công cơ giới , san lấp mặt bằng , tư vấn đầu tư chuyển giao công nghệ . Vốn điều lệ thực góp: 7.360.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 58,48%
- Công Ty CP Hiệp Thịnh Phát: Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt Lâm Đồng. – Ngành nghề kinh doanh: Chế biến khai thác khoáng sản , vận tải, Trồng và chăm sóc rừng . Vốn điều lệ thực góp 5.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu 100%.

Công Ty Liên kết

- Công Ty CP Hiệp Phú Đà Lạt –Lâm Đồng (Chấm dứt liên kết tháng 01/2012)

4. Định hướng phát triển

- *Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.*

Mục tiêu chủ yếu của Công Ty là phát triển sản phẩm từ khai thác mỏ khoáng sản và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, đẩy mạnh sản phẩm xuất khẩu nhằm thu lợi ích kinh tế từ nguồn ngoại tệ .

Xây dựng Công ty phát triển bền vững và ổn định. Phân đầu tốc độ tăng trưởng về doanh thu công nghiệp bình quân 10% đến 15% /năm, mức cổ tức đạt 13 %/năm trong năm 2012 và đạt trên 15% cho các năm tiếp theo. Nâng cao khả năng tự tích lũy của công ty

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

Để phù hợp với tình hình mới, Công ty tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh một cách linh hoạt và vận dụng các kiến thức mới

+ Ưu tiên đầu tư cho công tác thị trường, trong đó: Xác định độ lớn thị trường và tiêu chuẩn sản phẩm theo yêu cầu của thị trường hiện hữu, tích cực tìm kiếm thị trường tiềm năng nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của khách hàng và phục vụ tốt cho việc hoạch định chiến lược đầu tư phát triển (đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu, đầu tư mới);

+ Thực hiện quảng bá thương hiệu, các hoạt động xúc tiến thương mại: Với mục tiêu quảng bá hình ảnh của Công ty đến khách hàng, Công ty tích cực thực hiện việc quảng cáo, tham gia các hội chợ chuyên ngành trong nước, trong khu vực, tham dự các giải thưởng về chất lượng sản phẩm, chất lượng quản lý, phát triển sản phẩm mới theo hướng đa dạng hoá đồng thời duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Tập trung đầu tư chiều sâu cho các Xí nghiệp có lợi thế về công nghệ sản xuất, nguyên liệu, thị trường nhằm tạo năng lực sản xuất mới, tăng sản lượng sản xuất, ổn định chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả cao. Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất các Xí nghiệp hiện hữu trên cơ sở tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ nhằm tăng doanh thu công nghiệp.



- Đầu tư tìm kiếm các vùng mỏ nguyên liệu trong và ngoài tỉnh nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh trước mắt và lâu dài của Công ty. Công tác này cũng góp phần phục vụ cho kế hoạch phát triển sản phẩm mới, kể cả việc hình thành các nhà máy mới.

- Đầu tư cho công tác nghiên cứu sản xuất thử nghiệm các loại sản phẩm mới như: sứ dùng cho hoá chất, cho công nghệ đúc và các lĩnh vực khác.

- Đầu tư các chương trình và phần mềm quản lý theo từng hệ hoặc một số phân hệ cần thiết trước nhằm tăng hiệu quả trong công tác quản lý điều hành (năm 2011 đã đầu tư hoàn chỉnh phần mềm quản lý kế toán, tập trung hạch toán tại CTy). Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro trong hoạt động tài chính và các biện pháp quản trị trong hoạt động chứng khoán của Công ty.

- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: có chính sách thu hút đãi ngộ lao động, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc (đầu tư thêm các thiết bị, công cụ làm việc hiện đại, tính tự động hoá cao...) nhằm hỗ trợ công việc đạt hiệu quả; phân phối lương, thưởng, thu nhập phù hợp đảm bảo kích thích sự sáng tạo và cải tiến trong công việc. Trong xu thế ngày càng cạnh tranh về nguồn nhân lực - đặc biệt là lao động có năng lực và lao động có tay nghề cao - ngoài chính sách đãi ngộ và thu hút Công ty sẽ đầu tư nhiều hơn cho công tác đào tạo trong đó chú trọng nguồn nhân lực trẻ.

– *Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.*

Việc khai thác các Mỏ khoáng sản trong địa phương đôi khi cũng có ảnh hưởng đến môi trường khai thác (Công Ty cũng có thực hiện nhiều biện pháp khắc phục) chi phí thuế tài nguyên Phí môi trường thường xuyên thay đổi cũng có ảnh hưởng đến giá thành . Công tác vệ sinh an toàn đối với sản xuất Công ty đưa vào trọng tâm cần quan tâm. Thu nhập và môi trường làm việc đối với người lao động cũng được Công Ty chú trọng (thu nhập người lao động thời vụ luôn đảm bảo trên mức lương tối thiểu vùng và thu nhập thường xuyên của người lao động làm việc tại Công Ty năm 2012 tăng 13% so với cùng kỳ năm trước) . Hàng năm Công Ty tổ chức thăm hỏi các hộ nghèo vùng sâu trong Tỉnh. Kịp thời động viên thăm hỏi chia sẻ vật chất tinh thần đối với CBCNV Công Ty gặp khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo...)

5. Các rủi ro:

Kinh tế vẫn còn trong giai đoạn khó khăn, lạm phát cao, Việc giảm đầu tư công dẫn đến nhiều công trình xây dựng phải dừng thi công nên sẽ tác động lớn đến việc tiêu thụ vật liệu xây dựng .Sẽ có những biến động kinh tế vĩ mô và các chủ trương chính sách của Nhà nước. Khó khăn hơn về quản lý khai thác mỏ khoáng sản, tính cạnh tranh của thị trường ngày càng quyết liệt hơn về giá cả, chất lượng sản phẩm, phương thức thanh toán.

Những hạn chế nội tại:

- Công tác xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật chưa thật chính xác, kịp thời dẫn đến kiểm soát tình hình SXKD nói chung nhất là kiểm soát chi phí sản xuất chưa sát với thực tế, giá thành không ổn định.

- Công tác kế hoạch –thị trường chưa chuyên sâu, thiếu tính chuyên nghiệp do xây dựng kế hoạch không đúng với thị trường tiêu thụ.



- Trong đầu tư còn những bất cập nên hạn chế về hiệu quả mang lại sau đầu tư, chất lượng sản phẩm thiếu tính ổn định.

- Bộ máy chưa thật gọn nhẹ, đòi hỏi trong công tác quản lý điều hành phải quyết liệt, năng động, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả SXKD.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (tình hình tài chính, lợi nhuận của Cty tại thời điểm cuối năm 2012 – Báo cáo hợp nhất):

Tổng DT thực hiện 202,236 tỷ đồng so với năm 2011 là 217,107 tỷ đồng đạt 93,51% so với năm trước đạt 91,5% KH năm (không tính Doanh thu nội bộ). Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 1.534 triệu USD tăng 15,8% so với năm 2011 và đạt 90,11% KH năm.

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 18,002 tỷ đồng. Trong đó: Từ SXKD 15,809 tỷ, từ đầu tư tài chính 2,298 tỷ. Năm 2012 thuế TNDN được miễn và bổ sung quỹ Đầu tư phát triển là 614 triệu đồng.

- Thu nộp ngân sách: 15,434 tỷ đồng, tăng 8,9% so với năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty: 121,379 tỷ đồng Bao gồm:

* Vốn cổ đông: 85 tỷ đồng.

* Thặng dư vốn cổ phần: 21,378 tỷ đồng.

* Cổ phiếu quỹ: 4,372 tỷ đồng

* Các quỹ của Công ty: 24,222 tỷ đồng.

- Các khoản nợ phải thu cuối kỳ: 23,039 tỷ, giảm 14,36% so với năm trước do khách hàng trả nợ.

- Các khoản nợ phải trả cuối kỳ: 26,371 tỷ, giảm 46,73% so với năm trước (do trả nợ toàn bộ vốn vay Ngân Hàng).

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận chủ yếu so với kế hoạch:

ĐVT triệu đồng

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	%THỰC HIỆN
- Doanh thu	226,000	202,236	91,5
Trong đó: Xuất khẩu	1.700USD	1.534 USD	90,11
- Tổng chi phí	188.000	184,234	97,87
Trong đó: + CP quản lý	25.000	26,866	114,2
+ KH TSCĐ	15,425	15,033	98,80
- Lợi nhuận trước thuế	24,200	18,002	74,38
- Nộp ngân sách	17,115	15,434	90,81
- Thu nhập người lao động	5,360/tháng	6,044/tháng	112,6



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

- Thu nhập ròng / Cổ phiếu	1,500	1,573	109,7
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,5	1,3	

- Cổ tức trên cổ phiếu đạt 13%/ 8.157.500 CP (theo Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2012 là 15%)

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban Điều hành

1. Tổng Giám Đốc:

1. Họ và tên : Nguyễn An Thái
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 28/04/1966
5. Nơi sinh : Phù Cát – Vĩnh Phú – Nghĩa Bình
6. Quốc tịch : Việt Nam
7. Chứng minh nhân dân số : 250376502
8. Dân tộc : Kinh
9. Quê quán : Nghĩa Bình
10. Địa chỉ thường trú : 17Hẻm 1 Hoàng diệu –ĐaLạt
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 05/1990 – 12/1996: Trưởng Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/1997- 9/2001: CBộ kỹ thuật CTy VLXD Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2003- 09/2006: P Giám đốc – Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
 - Từ tháng 10/2006-6/2014: Giám đốc Xí nghiệp Hiệp An Lâm Đồng
 - Từ tháng 07/2011 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.

2. Phó Tổng Giám Đốc

1. Họ và tên : Võ Xuân Sơn
2. Giới tính : Nam
3. Ngày tháng năm sinh : 19/04/1957
4. Nơi sinh : Hải Châu – Đà Nẵng
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Chứng minh nhân dân số : 200187306
8. Quê quán : Hải Châu – Đà Nẵng
9. Địa chỉ thường trú : Hiệp Thạnh – Đức Trọng – Lâm Đồng



-
- 10.Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.554070
- 11.Trình độ văn hoá : 12/12
- 12.Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
- 13.Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- Từ tháng 01/1981: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1987: Phó Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1990: Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2001: Phó Giám đốc Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - Từ tháng 05/2003 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng - Thành viên Hội đồng quản trị.

3.Phó Tổng Giám Đốc

2. Họ và tên : Đặng Ngọc Hải
2. Giới tính : Nam
10. Ngày tháng năm sinh : 16/01/1960
11. Nơi sinh : Mỹ Lộc – Nam Định
12. Quốc tịch : Việt Nam
13. Dân tộc : Kinh
14. Chứng minh nhân dân số : 250530095
15. Quê quán : Mỹ Lộc – Nam Định
16. Địa chỉ thường trú : Hiệp An – Đức Trọng – Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.832511
11. Trình độ văn hoá : 10/10
12. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
- Từ tháng 05/1983: Nhân viên Kỹ thuật - Xí nghiệp Cơ Khí Lâm Đồng.
 - Từ tháng 07/1985: PT Kỹ thuật - Xí nghiệp Cơ Khí Lâm Đồng –
 - Từ tháng 10/1998: P Giám đốc – Xí nghiệp Sứ Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/2004: Phó Giám đốc XN XL Công ty Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/2006: Giám đốc XN BT Hiệp Lực Công ty CP KS và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - Từ tháng 10/2012 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần KS &Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng



4. Kế Toán Trưởng

1. Họ và tên : Phạm Thị Mỹ Dung
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày tháng năm sinh : 14/10/1961
4. Nơi sinh : Đà Lạt Lâm Đồng
1. Quốc tịch : Việt Nam
2. Dân tộc : Kinh
3. Chứng minh nhân dân số : 250190341
4. Quê quán : Quảng Nam Đà Nẵng
5. Địa chỉ thường trú : Đà Lạt Lâm Đồng
10. Số điện thoại liên lạc ở cơ quan : 063.3828127
11. Trình độ văn hoá : 12/12
12. Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
13. Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - Từ tháng 02/1980: Nhân viên Kế Toán - Cty Cơ Khí Nông nghiệp Lâm Đồng.
 - Từ tháng 02/1981: Nhân viên Kế Toán - Cty Cung ứng vật tư Lâm Đồng.
 - Từ tháng 10/1983: Kế Toán tổng hợp - Cty Cung ứng vật tư Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/1987: Kế toán trưởng XN Liên hiệp cung ứng vật tư Lâm Đồng
 - Từ tháng 04/1993: Kế toán trưởng XN kinh doanh PT Nhà Lâm Đồng
 - Từ tháng 01/1995: Kế toán trưởng XN Xây Lắp Cty Vật liệu Xy Dụng Lâm Đồng
 - Từ tháng 02/1999: PPKế Toán Cty Vật liệu Xây Dụng Lâm Đồng
 - Từ tháng 06/2006 đến nay: Kế Toán Trưởng Cty Cổ phần KS & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.
14. Chức vụ công tác hiện nay: Kế Toán Trưởng Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng
 - **Những thay đổi trong Ban Điều hành:** Ngày 01 tháng 10 năm 2012 bổ nhiệm Ông Đặng Ngọc Hải Phó Tổng Giám Đốc Công Ty kiêm Giám Đốc XN Hiệp An . Ban Điều hành được trả lương theo quy định trả lương do Hội đồng quản trị Công ty phê chuẩn. Khi điều hành Công ty thực hiện hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra thì được thưởng tùy theo mức độ thực hiện.

-Số lượng người lao động trong Công ty:

Tổng số lao động dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2012 là 488 người, cơ cấu lao động như sau:

Bộ phận	Trình độ	Số CBCNV	Tỷ trọng
Khối văn phòng	Đại học	57	15,12
	Cao đẳng, trung cấp	13	2,33
	Lao động có tay nghề	12	1,45



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Khối sản xuất	Đại học	04	1,16
	Cao đẳng, trung cấp	52	13,66
	Lao động có tay nghề	206	54,36
	Lao động phổ thông	144	11,92
	Tổng cộng	488	100

d/. Chính sách đối với người lao động:

+ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Tại Văn phòng Công ty tổ chức làm việc từ thứ hai tới thứ sáu, các bộ phận trong Văn phòng Công ty nếu vì nhu cầu công việc thì làm luôn cả ngày thứ bảy, chủ nhật. Tại các XN trực thuộc nếu yêu cầu hàng hóa trong sản xuất người lao động có thể làm thêm ngày thứ bảy, CN và làm thêm ca. Người lao động được hưởng các chế độ phụ cấp làm thêm an giữa ca, ca 3 BHLĐ và các điều kiện khác.

+ Chính sách tuyển dụng:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng, song tất cả các vị trí đều phải đáp ứng các yêu cầu như có trình độ chuyên môn cơ bản, phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập.

+ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi: Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp, đảm bảo mức thu nhập tương đối cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- Bảo hiểm: Năm 2012 Công Ty đã có chính sách thay đổi đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc 100% cho người lao động có hợp đồng lao động tại Công Ty (trước đây người lao động đóng 9,5%).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a./ Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2012 việc đầu tư không lớn, chủ yếu là đầu tư những hạng mục cần thiết cho sản xuất nâng cao hiệu quả SX-KD và mở rộng thị trường.

Tổng vốn đầu tư trong năm 2012: 2.714.254.476 đồng

XN Gạch Thanh Mỹ

+Đầu tư 20 xe cải tiến điện tại XN Gạch Thanh Mỹ. Vốn đầu tư 435.920.000 đồng

+ Đầu tư hệ thống PCCC – 62.950.000 đồng.

+Đầu tư 1000 palet gỗ để bốc xếp gạch – 365.000.000 đồng

XN Hiệp Tiến

+Đầu tư 01 xe xúc lật – gàu 1,5m³. Giá trị 688.181.818 đồng

+Mua đất làm đường vào bãi thải - 1.601m². Chi phí 280.000.000 đồng.

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

+Đầu tư 01 giếng khoan để đáp ứng nguồn nước cho sản xuất – 43.775.000 đ

XN Hiệp Lực

+Đầu tư Trạm trộn bê tông 30m³/h tại Phân xưởng N’thol Hạ nhằm mở rộng thị trường bê tông tươi khu vực Đức Trọng, Lâm Hà và tăng công suất hoạt động của xe bơm, xe bồn hiện có. Vốn đầu tư 665.833.658 đồng. Đưa trạm vào hoạt động từ tháng 6/2012

+Mở rộng diện tích mỏ N’thol Hạ: 5.485m² – chi phí đền bù 172.594.000 đồng.**b. Các công ty con, công ty liên kết:****Tình hình tài chính đến 31/12/2012 của Công ty con như sau:**

Khoản mục	CTy CP Hiệp Thành	CTy TNHH MTV HIỆP THỊNH PHÁT	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	25,555,646,151	6.529.660.434	
Tài sản dài hạn	4,957,995,773	2.679.798.850	
Nợ ngắn hạn	8,372,921,117	4.693.792.035	
Nợ dài hạn			
Vốn chủ sở hữu	22,140,720,807	4.515.667.249	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,600,000,000	4.148.239.223	
Cổ phiếu quỹ			
Doanh thu thuần	37,487,154,144	22.453.281.840	
Lợi nhuận sau thuế	3,764,621,512	2.263.953.428	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,988		

4. Tình hình tài chính**a) Tình hình tài chính****SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	196.849.321.801	157.013.431.559	-22,24%
Doanh thu thuần	216.926.899.607	202.236.802.692	-6,78%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.125.207.397	18.051.578.309	-10,31%
Lợi nhuận khác	111.328.436	-49.122.009	-144,12%
Lợi nhuận trước thuế	20.237.892.320	18.002.456.300	-11,05%
Lợi nhuận sau thuế	15.108.468.280	14.395.793.347	-4,48%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%	13%	1,1%



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,31 lần	3,06 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,66 lần	1,91 lần	
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Nợ/Tổng tài sản	31,7%	16,8%	
+ Nợ/Vốn chủ sở hữu	49,7%	21,78%	
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	16 lần	15 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	110,2%	128,2%	
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	6,96%	7,12%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,03%	11,86%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,68%	9,17%	
+ Tỷ suất Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,28%	8,93%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) *Cổ phần:*

- Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 8.157.500 cổ phần

- Tất cả cổ phần trên được chuyển nhượng tự do và không nằm trong diện bị hạn chế chuyển nhượng.

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

b) Cơ cấu cổ đông

Đơn vị tính: 1.000 đ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng số vốn chủ sở hữu	83,855,450	98,65	1,144,550	1,35	85,000,000	100
A. Cổ đông chưa lưu ký	147,140	0,17			147,140	0,17
1. Cổ đông nhà nước						
2. Cổ đông đặc biệt						
-Cổ đông HĐQT	77,740	0,09			77,740	0,09
- Ban kiểm soát						
- Kế Toán trưởng						
3. Cổ đông cá nhân	69,400	0,08			69,400	0,08
4. Cổ đông tổ chức						
B. Cổ đông đã lưu ký	80,708,310	98,48	1,144,550	1,35	81,852,860	99,83
1. Cổ đông nhà nước	10				10	
2. Cổ đông đặc biệt						
- Cổ đông HĐQT	37,600,290	44,23			37,600,290	44,23
- Ban kiểm soát	77,560	0,09			77,560	0,09
- Kế Toán trưởng	218,000	0,26			218,000	0,26
3. Cổ đông cá nhân	42,272,620	49,73	821,550	0,97	43,094,170	50,7
4. Cổ đông tổ chức	114,830	0,14	323,000	0,38	437,830	0,52
5. Cổ phiếu Quỹ	3,425,000	4,03			3,425,000	4,03
6. Cổ đông tự doanh						

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm Công ty không phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ ngày 01/01/2012: 342.500 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ ngày 31/12/2012: 342.500 cổ phần
- Trong năm Công ty không mua, bán cổ phiếu quỹ.

e) Chứng khoán khác: Hiện tại Công ty không có chứng khoán khác.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

- Tổng DT thực hiện 202,236 tỷ đồng so với năm 2011 là 217,107 tỷ đồng đạt 93,51% so với năm trước đạt 91,5% KH năm (không tính Doanh thu nội bộ). Riêng doanh thu xuất khẩu đạt 1.534 triệu USD tăng 15,8 % so với năm 2011 và đạt 90,11% KH năm.

- Lợi nhuận thực hiện trước thuế 18,002 tỷ đồng so với kế hoạch 24.2 tỷ (do trong năm xử lý các khoản tồn đọng về tài chính 8,1 tỷ đồng). Trong đó: Từ SXKD 15,809 tỷ, từ đầu tư tài chính 2,298 tỷ. Năm 2012 thuế TNDN được miễn và bổ sung quỹ Đầu tư phát triển là 614 triệu đồng. Nộp ngân sách 15,435 tỷ. Cổ tức đạt 13 %/năm (NQ ĐHCĐ năm 2011 là 15 %/).

* **Tiền lương:** Công Ty từng bước hoàn chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng tiên tiến, thực hiện khoán sản phẩm nhằm khuyến khích và tăng năng suất lao động. Thu nhập bình quân: 6,044,727đồng/người/ tháng, tăng 13% so với năm 2012.

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ SXKD TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/ 2012
(CHI TIẾT ĐƠN VỊ)**

Chỉ tiêu	CTy CP Khoáng Sản & VLXD (Công ty mẹ)	Hiệp Thịnh Phát (CTy con)	Hiệp Thành (CTy con)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	172,728,158,112	22,453,281,840	37,487,154,144
2. Các khoản giảm trừ	761,415,886	-	-
- Chiết khấu thương mại	-	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-	-
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp	761,415,886	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	171,966,742,226	22,453,281,840	37,487,154,144
4. Giá vốn hàng bán	132,276,469,500	15,813,383,880	30,713,218,034
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	39,690,272,726	6,639,897,960	6,773,936,110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	4,477,098,705	9,388,802	1,050,090,073
7. Chi phí tài chính	2,089,182,413	-	-
- Trong đó: Lãi vay phải trả	1,700,910,825	-	-
8. Chi phí bán hàng	5,885,330,153	1,679,081,724	284,320,445
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22,267,285,564	1,755,267,369	2,844,566,554
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	13,925,573,301	3,214,937,669	4,695,139,184
11. Thu nhập khác	2,848,425,359	-	82,357,388
12. Chi phí khác	2,468,212,222	196,333,099	115,359,435
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	380,213,137	(196,333,099)	(33,002,047)

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	14,305,786,438	3,018,604,570	4,662,137,137
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,141,106,577	754,651,142	897,515,625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	12,164,679,861	2,263,953,428	3,764,621,512

Trong năm 2012 trong tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên các loại sản phẩm VLXD của Công Ty phần lớn cũng chiếm lĩnh được thị trường trong địa phương. Sản phẩm xuất khẩu tuy không tăng trưởng mạnh nhưng cũng giữ được thị trường các nước tiêu thụ như những năm trước. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT công tác kiểm soát các khoản chi phí giảm đáng kể dẫn đến lợi nhuận thực tế (26 tỷ đồng) tăng cao so với năm trước và kế hoạch ĐHCĐ giao năm 2012. Tuy nhiên để lành mạnh tài chính Công Ty đã xử lý vào kết quả kinh doanh năm một số khoản còn tồn tại từ những năm trước như: Trích dự phòng phải thu khó đòi, trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thanh lý những tài sản không cần dùng giá trị đến 8 tỷ đồng nên dẫn đến lợi nhuận trước thuế báo cáo còn 18,002 tỷ đồng cụ thể:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	THỰC HIỆN (%)
- Doanh thu	226,000	202,236	91,5
Trong đó: Xuất khẩu	1.700USD	1.534 USD	90,11
- Tổng chi phí	188.000	184,234	97,87
Trong đó: + CP quản lý	21.000	24,121	114,2
+ KH TSCĐ	14,432	14,050	98,80
- Lợi nhuận trước thuế	24,200	18,002	74,38
- Nộp ngân sách	17,115	15,434	90,81
- Cổ tức / Cổ phiếu	1,5	1,3	87,00

Trong năm doanh thu đạt 91,5 %/ KH. Lợi nhuận trước thuế đạt 74,38%/KH . Cổ tức trả cho cổ đông 13% so với KH giao 15%.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

**Những cải tiến về cơ cấu tổ chức:*

- Phân công chỉ đạo và điều hành theo nghiệp vụ chuyên môn.
- Phân định công tác nghiệp vụ và công tác quản trị.
- Bổ nhiệm và thay đổi các chức danh cho phù hợp với mô hình Công ty.

**Những cải tiến về chính sách, quản lý:*

- Áp dụng quy chế tiền lương, thưởng tiên tiến; thực hiện thưởng từng quý cho những tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ; thưởng đột xuất cho những cá nhân có những sáng kiến, cải tiến trong kỹ thuật, quản lý ... mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty.



- Quản lý theo kế hoạch; theo định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành và thực hiện rà soát, điều chỉnh định mức trong thời gian 06 tháng, 01 năm.

- Phân định trách nhiệm và quyền hạn của Trưởng Phòng nghiệp vụ, Giám đốc Xí nghiệp.

**Các biện pháp kiểm soát các hoạt động của Công ty:*

- Thông qua các báo cáo quyết toán tháng, quý.

- Báo cáo của các Giám đốc, Phòng nghiệp vụ.

- Báo cáo nhanh hàng tuần.

- Kiểm tra cơ sở và các cuộc họp giao ban định kỳ.

- Các công cụ đo lường, đánh giá theo các tiêu chí và mục tiêu chất lượng của hệ thống.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đầu tư cải tạo các dây chuyền sản xuất tại nhà máy chế biến cao lanh Hiệp Tiến tại Bảo Lộc - Lâm Đồng, tạo sản phẩm cao lanh chất lượng cao đáp ứng được yêu cầu khách hàng.

- Đầu tư phát triển các sản phẩm mới tại nhà máy sản xuất gạch tuynen Thanh Mỹ tại Đơn Dương - Lâm Đồng.

- Triển khai sản xuất thử gạch không nung.

- Đầu tư chiều sâu cho hai mỏ đá N'thol Hạ 2 tại địa bàn Huyện Đức Trọng và mỏ đá Cam Ly tại Tp.Đà Lạt. Đưa công suất trong lĩnh vực sản xuất đá tăng so với hiện nay.

- Đầu tư thiết bị, chương trình quản lý, dụng cụ thí nghiệm kỹ thuật tiên tiến.

- Tiếp tục đầu tư cho công tác mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ triển lãm, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.

Mặt khác, để bảo đảm nguồn nguyên liệu phục vụ cho việc mở rộng và phát triển sản xuất lâu dài, Công ty sẽ đầu tư mở rộng vùng mỏ nguyên liệu mới bao gồm: Mỏ cao lanh tại Bảo Lộc, mỏ cao lanh tại Đà Lạt, mỏ Bentonite tại Di Linh, mỏ sét gạch ngói tại Đơn Dương, mỏ Đá mới. Ngoài ra, Công ty cũng sẵn sàng tiếp nhận hoặc đầu tư ngay các dự án có cơ hội phát triển và mang lại hiệu quả cao, đặc biệt là các dự án sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.

2. Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài sản:

Khoản mục	31/12/2011	31/12/2012	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	108.121.698.940	80.665.126.621	-25,4%
Tài sản dài hạn	88.727.622.861	76.348.304.938	-14,06%
Nợ ngắn hạn	46.842.922.679	26.371.697.331	-43,71%
Nợ dài hạn	15.577.542.260	70.000.000	-99,56%

- Tài sản ngắn hạn giảm 25,4% do nguồn Tiền gửi (22 tỷ đồng) có kỳ hạn rút ra để trả nợ tiền vay trong kỳ. Nợ phải thu giảm do thu được nợ khách hàng.

- Tài sản dài hạn giảm 14,06 % do Công ty thanh lý một số tài sản không cần dùng và kết chuyển chi phí xây dựng cơ bản dở dang.



- Nợ ngắn hạn giảm 43,71% do Công Ty dùng vốn trả nợ các khoản vay ngắn hạn (18,8 tỷ đồng và giảm phải trả người lao động).

- Nợ dài hạn giảm 99,56% do Công Ty dùng vốn trả hết các khoản vay dài hạn (15,2 tỷ).

Tính đến 31/12/2012 giải quyết trích dự phòng tất cả các khoản nợ khó đòi theo quy định (3,980 tỷ) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (685 triệu, thanh lý tài sản cố định không cần dùng, hư hỏng 2,319 tỷ, thanh toán tiền thôi việc cho số lao động dôi dư 1,726 tỷ đồng) Trong năm đã thu hồi các khoản chi lỗ khối lương xe xúc, đã chấn chỉnh toàn bộ các khoản chi phí dịch vụ cho phù hợp, đóng các khoản BH bắt buộc cho đúng quy định theo mức lương tối thiểu chung của Nhà Nước.

b. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả giảm 58 % so với cùng kỳ năm trước do Công Ty trả hết nợ vay ngắn và dài hạn Ngân Hàng. Các khoản nợ phải trả khác không biến động nhiều .

c- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp:

Vốn góp của chủ sở hữu đến ngày 31/12/2011 là: 85 .000.000.000 đồng.

+ Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 8.500.000 Cổ phiếu phổ thông.

+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 8.157.500 cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu Quỹ: 342.500 cổ phiếu

+ Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 13 %

3- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý: Với mô hình quản lý mới Công Ty từng bước đi vào ổn định về mặt quản lý chung. Cơ cấu tổ chức, quản lý cũng như những chính sách của Công ty cần tiếp tục hoàn thiện bằng những quy chế riêng cho từng lĩnh vực và được kiểm soát thường xuyên.

4- Kế hoạch phát triển trong tương lai:

+ Trong tình hình kinh tế vẫn còn khó khăn như hiện nay, Công Ty có những chiến lược về đầu tư thiết bị, sản phẩm mới nhằm đáp ứng và chiếm lĩnh thị phần trong địa phương, trong nước và xuất khẩu . Tìm các biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm sản xuất, Tăng cường thu hồi công nợ, giảm tối đa vay Ngân hàng.

+ Về Công ty con: Tăng cường công tác quản trị, phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu xã hội, loại bỏ những chi phí bất hợp lý để hạ giá thành sản phẩm, tăng dần lợi nhuận sau thuế theo từng năm. Đảm bảo lợi nhuận hàng năm tăng trưởng từ các Công Ty con.

IV- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2012 trong tình hình kinh tế khó khăn nhưng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã thay đổi đáng kể như: Chấn chỉnh, thay đổi một số dịch vụ mua ngoài giảm như Chi phí khai thác, vận chuyển hàng hóa, chế độ BH người lao động... mang lại lợi ích đáng kể cho Công ty, mặt khác để lãnh mạnh tài chính HĐQT đã quyết liệt trong chỉ đạo giải quyết lao động dôi dư, trích các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, thanh lý TSCĐ không cần dùng mang lại lợi nhuận rất tốt cho cổ đông. Thu nhập của người lao động được



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

đảm bảo. Cổ tức chia cho cổ đông tuy thấp (13%/15% KH giao) tuy nhiên đã giải quyết được những vấn đề tồn đọng tài chính từ những năm trước.

2- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã từng bước thực hiện được các nội dung chỉ đạo của Nghị Quyết HĐQT. Trong điều hành SXKD với mô hình quản lý mới đã cắt giảm và nắm bắt được các khoản chi phí không hợp lý, giảm giá thành sản phẩm tạo được sự cạnh tranh trong thị trường. Tính đến cuối năm 2012 không còn nợ vay ngân hàng, tiền gửi có kỳ hạn trên 20 tỷ đồng.

3- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế để có những quyết sách phù hợp, cùng với Ban Tổng giám đốc đưa Công ty phát triển ổn định, bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị: có 07 thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP năm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Đình Hiến	CTịch HĐQT	Không điều hành	13,474	0,16
2	Lương Hùng Minh (Miễn nhiệm ngày 21-04-2012)	Phó CTịch HĐQT	Không điều hành	192,225	2,35
3	Võ Lai (Miễn nhiệm ngày 21-04-2012)	TV HĐQT	Không điều hành		
4	Lương Minh Nhật	TV HĐQT	TV Độc lập	3,104	0,04
5	Võ Xuân Sơn	TV HĐQT	Kiểm PTGD	31,000	0,36
6	Phạm Tuấn Anh	TV HĐQT	Không điều hành	2,000	0,02
7	Lê Xuân Diệp	TV HĐQT	TV Độc lập	103,360	1,22

+ Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng

Cơ cấu như sau: 01 TV HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Thời điểm 6 tháng đầu năm 2012 gồm 07 TV HĐQT, trong ĐHCĐ thường niên năm 2012 đã miễn nhiệm 02 Thành viên HĐQT là Ông Lương Hùng Minh và Ông Võ Lai .

Đến thời điểm 31/12/2012 còn lại 05 thành viên HĐQT trong đó có 01 thành viên tham gia điều hành, 02 thành viên độc lập, 02 Thành viên không tham gia điều hành.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT và quy định của pháp luật. Định kỳ họp mỗi quý 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác chỉ đạo, quản lý Công ty. Để tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, mỗi thành viên được phân công chỉ đạo một mảng hoạt động: sản xuất, kỹ thuật, đầu tư, tài chính, thị trường ... hàng quý tại phiên họp thường kỳ có báo cáo đánh giá công tác quản trị đã được phân công.



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao Chủ tịch HĐQT 10.000.000đ/người/ tháng. Thành viên 5.000.000đ/ người / tháng. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ 1,8 % cổ phần Công ty. Các thành viên HĐQT đều có trình độ chuyên môn đại học và một số đã qua các khoá đào tạo nâng cao và đào tạo về quản trị Công ty.

b). Các tiểu ban thuộc HĐQT: Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban. Các thành viên HĐQT làm việc theo bảng phân công nhiệm vụ .

c).Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết sau; cuộc họp có sự tham dự của tất cả 5 thành viên và Trưởng Ban kiểm soát.

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐQT Cty	05/03/2012	<ul style="list-style-type: none">- Phê duyệt đơn giá tiền lương toàn công ty năm 2012: 165 đồng/1000 đồng DT- Kết luận khối lượng nghiệm thu khai thác bentonite mùa khai thác 2009-2010 là đúng.- Cử đại diện vốn của Công ty LBM tại Công ty CP Hiệp Thành:<ul style="list-style-type: none">+ Ông Phạm Tuấn Anh: 40%+ Ông Nguyễn Ngọc: 30%+ Bà Phạm Thị Mỹ Dung: 30%- HĐQT ủy quyền cho Tổng giám đốc ký văn bản thế chấp tài sản công ty để vay vốn ngân hàng.- Triệu tập đại hội cổ đông thường niên năm 2012:<ul style="list-style-type: none">+ Ngày chốt danh sách cổ đông: 22/03/2012+ Ngày tổ chức đại hội: 21/4/2012
02	Nghị quyết số: 15/2012NQ-HĐQT Cty	26/03/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết quả SXKD– Quyết toán tài chính năm 2011:<ul style="list-style-type: none">+Doanh thu: 184.368.000.000 đồng+Lợi nhuận trước thuế: 14.621.133.722 đồng+Lợi nhuận sau thuế: 11.416.749.019 đồng+Khấu hao cơ bản: 14.284.000.000 đồng- Thông qua kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2012:<ul style="list-style-type: none">+Doanh thu: 188.723.000.000 đồng+Khấu hao cơ bản: 14.284.000.000 đồng+Tổng quỹ lương (Bao gồm doanh thu công nghiệp Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát) 171 đồng/1000 đồng doanh thu: 34.264.933.363 đồng+Lợi nhuận trước thuế: 20.000.000.000 đồng+Cổ tức: 15%- Thống nhất phê duyệt trích dự phòng công nợ khó đòi và xử lý nguyên liệu:<ul style="list-style-type: none">+ Dự phòng công nợ: 3.409.776.323 đồng+ Xử lý nguyên liệu: 879.529.398 đồng- Quyết định mức lương Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng:<ul style="list-style-type: none">+ Phó tổng giám đốc: 25.000.000 đồng/tháng+ Kế toán trưởng: 24.000.000 đồng/ tháng <p>Mức lương trên gắn với lợi nhuận năm 2012 là 20 tỷ đồng và khấu hao cơ bản là: 14,284 tỷ đồng. Nếu lợi nhuận tăng thì lương tăng 1,5 lần tỷ lệ tăng lợi nhuận. Nếu lợi nhuận giảm thì</p>



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

			<p>lượng giảm với tỷ lệ tương ứng.</p> <ul style="list-style-type: none">- HĐQT ký kết hợp đồng trách nhiệm với Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.- Thông qua báo cáo đánh giá công tác quản trị Công ty 2011.- Thống nhất bổ nhiệm Ông Hồ Khắc Phúc làm Giám đốc Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát trong thời hạn 3 năm từ ngày 01/4/2012.- Thống nhất trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.- Thông qua những vấn đề trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2012:<ul style="list-style-type: none">+ Dự thảo nội quy làm việc của Đại hội.+ Phân phối lợi nhuận năm 2011+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Tổng quỹ lương năm 2012+ Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2011. Phương án thù lao HĐQT, BKS năm 2012+ Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2012+ Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc. Ông Nguyễn An Thái làm Tổng giám đốc.
03	Nghị quyết số: 16/2012NQ-HĐQTCTy	13/04/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất hình thức kỷ luật đối với Ông Lương Hùng Minh – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau: khiển trách bằng văn bản.- Thống nhất trình Đại hội cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011-2015 đối với Ông Lương Hùng Minh.- Nghị quyết này thay thế nội dung số 9 của nghị quyết 15/2012/NQ-HĐQT ngày 26/03/2012 của HĐQT.
04	Nghị quyết số: 20/2012NQ-HĐQTCTy	31/05/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất chọn Công ty TNHH kiểm toán DTL thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012- Giao Ban Tổng giám đốc điều hành thương thảo ký kết hợp đồng.
05	Nghị quyết số: 21/2012NQ-HĐQTCTy	02/07/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất ban hành thang bảng lương tạm thời (hệ số lương áp dụng = Hệ số lương doanh nghiệp hạng 1 theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP x 1.050.000 / 1.780.000)<ul style="list-style-type: none">+ Giao Ban Tổng giám đốc hoàn chỉnh hồ sơ Doanh nghiệp hạng 1 để trình Hội đồng quản trị Công ty tại kỳ họp quý 3/2012.+ Giao Ông Võ Xuân Sơn làm rõ các vấn đề liên quan đến việc thực hiện đóng bảo hiểm của Công ty từ trước đến nay và báo cáo HĐQT trước ngày 15/7/2012- Thiếu hụt cao lanh nguyên liệu, cát tại Xí nghiệp Hiệp An và Xí nghiệp Hiệp Tiến:<ul style="list-style-type: none">+ Giao Ban Tổng giám đốc làm rõ số liệu và nguyên nhân thiếu hụt cao lanh nguyên liệu, cát tại Xí nghiệp Hiệp An từ 2007-2011 và Xí nghiệp Hiệp Tiến từ 2009-2011+ Giao Ông Phạm Tuấn Anh – Thành viên HĐQT- kiểm tra

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

			<p>và báo cáo HĐQT trong kỳ họp quý 3/2012</p> <ul style="list-style-type: none">- Hội đồng quản trị thống nhất tạm thời hoạt động với 05 thành viên, việc bổ sung 02 thành viên HĐQT – nhiệm kỳ 2011-2015 sẽ đưa vào chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2013- Hội đồng quản trị thống nhất 02% cổ tức năm 2011 sẽ được chi trả cho cổ đông khi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012- Hội đồng quản trị thống nhất gia hạn thời gian bổ nhiệm Ông Võ Xuân Sơn giữ chức Phó Tổng giám đốc là 01 năm – từ ngày 01/07/2012 đến ngày 30/06/2013
06	Nghị quyết số: 25/2012NQ-HĐQTCTy	17/09/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2012- Thống nhất phê duyệt chi phí phát sinh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông Nthôn Ha.- Thống nhất chuyển Phân xưởng chế biến cao lanh Trại Mát về Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát từ ngày 01/10/2012.- Thống nhất đầu tư xe cải tiến điện tại Xí nghiệp Thanh Mỹ- Thống nhất xếp hạng Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp hạng 1 và xếp lương các chức danh quản lý trong Công ty.- Đổi tên phòng Kế hoạch – thị trường thành phòng Kinh doanh.- Đồng ý việc chào mua công khai cổ phiếu LBM của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng.
07	Nghị quyết số 26/2012NQ-HĐQTCTy	15/09/2012	<ul style="list-style-type: none">- Hội đồng quản trị đồng ý việc chào mua công khai cổ phiếu LBM của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng
08	Nghị quyết số 27/2012NQ-HĐQTCTy	21/09/2012	<ul style="list-style-type: none">- Hội đồng quản trị thống nhất bổ nhiệm Ông Đặng Ngọc Hải giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng từ ngày 01/10/2012.
09	Nghị quyết số 28/2012NQ-HĐQTCTy	26/11/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua kết quả SX-KD quý 3/2012 và 9 tháng năm 2012 như sau:<ul style="list-style-type: none">+ Doanh thu 9 tháng năm 2012: 120.042.001.024 đồng+ Lợi nhuận trước thuế 9 tháng năm 2012: 9.772.506.871 đồng+ Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2012: 8.422.795.859 đồng- Thống nhất chi trả 2% cổ tức năm 2011 và tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 là 8%. Ngày chốt danh sách là: 12/12/2012.
10	Nghị quyết số: 25/2012NQ-HĐQTCTy	17/09/2012	<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2012- Thống nhất phê duyệt chi phí phát sinh dự án đầu tư Trạm trộn bê tông Nthôn Ha.- Thống nhất chuyển Phân xưởng chế biến cao lanh Trại Mát về Công ty TNHH một thành viên Hiệp Thịnh Phát từ ngày 01/10/2012.

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

			<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất đầu tư xe cải tiến điện tại Xí nghiệp Thạnh Mỹ- Thống nhất xếp hạng Công ty cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng là doanh nghiệp hạng 1 và xếp lương các chức danh quản lý trong Công ty.- Đổi tên phòng Kế hoạch – thị trường thành phòng Kinh doanh.- Đồng ý việc chào mua công khai cổ phiếu LBM của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng.
11	Nghị quyết số 26/2012NQ-HĐQT Cty	15/09/2012	- Hội đồng quản trị đồng ý việc chào mua công khai cổ phiếu LBM của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy Lợi Lâm Đồng

Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán:

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ	Lý do
1	Đặng Hữu Đường		Đức trọng – Lâm Đồng			Liên Quan Ông Đặng
2	Trần Thị Lý		Đức trọng – Lâm Đồng			Ngọc Hải được bổ
3	Chu Thị Bình		Đức trọng – Lâm Đồng			nhiệm Phó Tổng giám
4	Đặng Ngọc Thanh		Đức trọng – Lâm Đồng			đốc từ ngày
5	Đặng Ngọc Hưng		Đức trọng – Lâm Đồng			01/10/2012
6	Đặng Thị Hòa		Tp Hồ Chí Minh			
7	Đặng Thị Dung		Bảo Lộc – Lâm Đồng			
8	Đặng Thị Loan		Bảo Lộc – Lâm Đồng			
9	Đặng Thị Đào		Bảo Lộc – Lâm Đồng			
10	Đặng Ngọc Quân		Bảo Lộc – Lâm Đồng			

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

*Giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan:**Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan:*

ST T	Tên tổ chức/ cá nhân	Chức vụ tại Công ty	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ
1	Lê Đình Hiến	Chủ Tịch HĐQT	Đà Lạt - Lâm Đồng	13,474	0.17
2	Phạm Tuấn Anh	Thành viên- HĐQT	Di Linh - Lâm Đồng	2,000	0.02
3	Võ Xuân Sơn	Thành viên- HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Đức Trọng - Lâm Đồng	31,000	0.38
4	Lương Minh Nhật	Thành viên- HĐQT	Thành Phố HCM	3,154	0.03
5	Lê Xuân Diệp	Thành viên- HĐQT	Thành Phố HCM	103,360	1.27
6	Vũ Ngọc Phách	Trưởng BKS	Thành Phố HCM	4,000	0.05
7	Lê Nam Đồng	Thành viên BKS	Đà Lạt - Lâm Đồng	3,756	0.05
8	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên BKS	Đà Lạt - Lâm Đồng		-
9	Phạm Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng	Di Linh - Lâm Đồng	21,800	0.27
10	Nguyễn An Thái	Tổng Giám đốc	Di Linh - Lâm Đồng	60,340	0.74
11	Đặng Ngọc Hải	Phó Tổng giám đốc	Đà Lạt - Lâm Đồng	10,000	0.12
	<u>2/ Cổ đông tổ chức liên quan cổ đông nội bộ</u>				-
1	Cty CP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng		Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	3,400,006	41.68
	- Người đại diện vốn: Lê Đình Hiến	Chủ Tịch HĐQT	Đà Lạt - Lâm Đồng		
2	Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh VLXD FICO		Quận 4, TP.HCM	341,039	4.18
	- Người đại diện vốn: Lương Minh Nhật	Thành viên HĐQT			

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm cũng như tham dự Đại hội đồng cổ đông.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Chưa thành lập tiểu ban

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

+ Ông Lê Đình Hiến – Chủ tịch HĐQT

+ Ông Lương Minh Nhật – TV HĐQT

2/ Ban kiểm soát:

a). Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát: Có 03 thành viên

STT	Họ và Tên	Chức danh	Cơ cấu	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Vũ Ngọc Phách	Trưởng ban	CĐ ngoài	4,000	0,05
2	Lê Nam Đồng	TV BKS	PPKế toán	3,756	0,04
3	Nguyễn Thị Thu Hương	TV BKS	CĐ ngoài	Không	

Cơ cấu như sau: 01 Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên. Hiện nay có 01 thành viên đang công tác tại Công ty, 02 thành viên làm việc ngoài Công ty.

b). Hoạt động của Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát kiểm tra toàn diện các hoạt động của Công ty và có báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ theo bảng phân công nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát và quy định của pháp luật. Định kỳ 06 tháng họp 01 lần, ngoài ra có những phiên họp bất thường theo yêu cầu của công tác kiểm soát các hoạt động của Công ty khi có sự kiến nghị của cổ đông hoặc những hoạt động có dấu hiệu không bình thường. Để tăng cường hiệu quả trong công tác kiểm soát Công ty thì hàng quý tại phiên họp thường kỳ của HĐQT có báo cáo đánh giá công tác kiểm soát của Ban kiểm soát. Các thành viên được thanh toán các chi phí đi lại tham dự các phiên họp. Mức thù lao Trưởng ban 5.000.000đ/người/tháng Thành viên 3.000.000đ/ người / tháng.

Các thành viên Ban kiểm soát đều có trình độ chuyên môn đại học và một số đã qua các khoá đào tạo nâng cao và chuyên sâu.

3- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thu nhập tại LBM	Thu nhập tại Công ty con
1	Lê Đình Hiến	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	
2	Lương Hùng Minh (Miễn nhiệm ngày 21/4/2012)	Chủ tịch HĐQT	70.729.000	
3	Võ Lai (Miễn nhiệm ngày 21/04/2012)	TV HĐQT	110,916,540	
4	Lương Minh Nhật	TV HĐQT	60.000.000	
5	Võ Xuân Sơn	TV HĐQT	409.000.000	
6	Phạm Tuấn Anh	TV HĐQT	60.000.000	408,537,778
7	Lê Xuân Diệp	TV HĐQT	60.000.000	
8	Vũ Ngọc Phách	Trưởng BKS	60.000.000	

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

9	Nguyễn Viết Hưng (Miễn nhiệm 21/04/2012)	Thành viên BKS	9.000.000	
10	Lê cao Ân (Miễn nhiệm 21/04/2012)	Thành viên BKS	9.000.000	
11	Lê Nam Đồng (Bổ nhiệm 21/04/012)	Thành viên BKS	165.467.000	24.000.000
12	Nguyễn Thị Thu Hương (Bổ nhiệm 21/04/2012	Thành viên BKS	24.000.000	

b/ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
02	Lê Xuân Diệp	TV Hội đồng quản trị	54.300	0,67	103.360	1.27	Mua
03	Lương Minh Nhật	TV Hội đồng quản trị	1.254	0,01	3.154	0,03	Mua
04	Trần Thị Linh	Lê cao Ân Thành viên BKS	11.000	0,13	0	0	Bán

c/. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm có giao dịch thuê thiết bị của cổ đông lớn (Công Ty cổ phần & Đầu tư xây dựng thủy lợi Lâm Đồng).

d/ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Trong năm qua, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, những quyết sách kịp thời, đúng đắn đã mang lại những hiệu quả nhất định cho Công Ty. Việc quản trị tốt sẽ đem lại thành công cho Doanh nghiệp và đưa Doanh nghiệp phát triển bền vững. Từ đó Công ty luôn chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Pháp luật về quản trị Công Ty niêm yết.



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán DTL, Công ty TNHH Kiểm toán DTL là thành viên của Hệ thống RSM.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông

Các Thành viên Hội Đồng quản trị

Các Thành viên Ban Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 18 tháng 01 năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các Công Ty con (cùng với Công Ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 29 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2013

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(đã ký)

KIỂM TOÁN VIÊN
(đã ký)

TẶNG QUỐC THẮNG
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

DIỆC LỆ BÌNH
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TÓAN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80,665,126,621	108,121,698,940
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	5.1		
1. Tiền	111		25,457,505,743	42,801,538,784
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,097,385,618	15,878,538,784
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21,360,120,125	26,923,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	5,000,000,000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	5.2		
1. Phải thu khách hàng	131		23,039,296,815	26,928,341,942
2. Trả trước cho người bán	132		25,850,211,035	28,089,973,336
3. Phải thu nội bộ	133		568,819,000	2,980,773,552
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5,517,778,556	2,407,696,555
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8,897,511,776)	(6,550,101,501)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3		
1. Hàng tồn kho	141		30,353,119,368	30,141,974,266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		31,038,327,107	30,141,974,266
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	1,815,204,695	3,249,843,948
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,731,188,414	1,598,334,060
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	-	73,779,953
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	-	50,648,279
			84,016,281	1,527,081,656
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		76,348,304,938	88,727,622,861
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220			
			71,807,836,234	84,102,378,401

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	69,805,052,335	81,624,963,233
+ Nguyên giá	222		169,632,274,324	173,129,670,182
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99,827,221,989)	(91,504,706,949)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	1,679,539,869	1,273,081,699
+ Nguyên giá	228		5,058,885,373	4,336,485,373
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,379,345,504)	(3,063,403,674)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	323,244,030	1,204,333,469
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	-	1,002,727,536
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	1,002,727,536
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		4,540,468,704	3,622,516,924
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	3,599,185,365	2,934,949,849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		305,336,609	118,726,218
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.12	635,946,730	568,840,857
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		157,013,431,559	196,849,321,801



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26,441,697,331	62,420,464,939
I. Nợ ngắn hạn	310		26,371,697,331	46,842,922,679
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	18,802,271,248
2. Phải trả người bán	312	5.13	10,416,267,745	11,278,924,122
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	2,318,674,340	1,043,346,043
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	2,171,292,181	1,796,767,134
5. Phải trả người lao động	315		8,468,714,693	9,444,421,748
6. Chi phí phải trả	316	5.15	65,109,000	1,130,559,077
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	1,434,358,771	1,574,450,323
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1,497,280,601	1,772,182,984
II. Nợ dài hạn	330		70,000,000	15,577,542,260
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	15,280,674,510
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	226,867,750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		70,000,000	70,000,000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121,379,293,533	125,605,129,305
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	121,379,293,533	125,605,129,305
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85,000,000,000	85,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,378,566,720	21,378,566,720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(4,372,135,515)	(4,372,135,515)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11,513,765,482	9,134,864,073
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,022,664,768	2,195,437,726
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4,836,432,078	12,268,396,301
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỘNG THIỆU SỐ	500	5.18	9,192,440,695	8,823,727,557
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		157,013,431,559	196,849,321,801



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th.	Số cuối kỳ	Số đầu năm
HỢP NHẤT	minh		
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.060.379.921	1.857.275.846
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		24.140,58	292.428,12
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		157,013,431,559	196,849,321,801



CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202,998,218,578	217,165,876,673
2. Các khoản giảm trừ	02	6.1	761,415,886	58,036,850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	202,236,802,692	217,107,839,823
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	149,684,693,018	147,197,611,151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52,552,109,674	69,910,228,672
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2,298,947,301	4,998,893,875
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2,089,182,413	7,007,830,179
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1,700,713,035	6,961,984,536
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	7,848,732,322	23,654,403,515
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	26,861,563,931	24,121,681,456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,051,578,309	20,125,207,397
11. Thu nhập khác	31	6.7	2,730,782,747	1,381,385,474
12. Chi phí khác	32	6.8	2,779,904,756	1,270,057,038
13. Lợi nhuận khác	40		(49,122,009)	111,328,436
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	1,356,487
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		18,002,456,300	20,237,892,320
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.9	3,793,273,344	5,068,217,554
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(186,610,391)	61,206,486
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		14,395,793,347	15,108,468,280
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		1,563,005,120	2,033,139,878
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		12,832,788,227	13,075,328,402
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.17.4	1,573	1,599



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18,002,456,300	20,237,892,320
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		15,027,583,057	15,364,211,547
Các khoản dự phòng	03		5,045,958,329	3,064,474,317
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	22,297,441
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(265,311,342)	(5,090,860,329)
Chi phí lãi vay	06		1,700,713,035	6,961,984,536
Điều chỉnh khác			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		39,511,399,379	40,559,999,832
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(657,492,530)	(7,073,069,367)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1,156,693,445)	(7,734,483,931)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(366,131,628)	4,322,614,632
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(797,089,869)	663,996,663
Tiền lãi vay đã trả	13		(1,700,713,035)	(6,961,984,536)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,113,963,852)	(5,403,435,984)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	771,694
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(1,460,201,105)	(853,774,260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			<u>30,259,113,915</u>	<u>17,520,634,743</u>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4,761,324,853)	(3,055,020,695)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18,181,818	645,336,852
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(400,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,517,772,912	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,050,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,416,428,925	4,362,703,898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>3,841,058,802</u>	<u>1,953,020,055</u>



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

III

. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của			
2. doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1,823,081,886)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	29,214,360,141	37,693,912,416
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63,297,305,899)	(39,308,139,464)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17,361,260,000)	(7,615,828,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(51,444,205,758)	(11,053,137,534)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(17,344,033,041)	8,420,517,264
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	42,801,538,784	34,403,318,961
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(22,297,441)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	25,457,505,743	42,801,538,784



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà Nước và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 059249 ngày 28 tháng 05 năm 2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Lâm Đồng cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 04 năm 2009.

Trụ sở Công ty được đặt tại số 17B, Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, TP. Đà Lạt
Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 85.000.000.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2012 gồm:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Xí Nghiệp Hiệp An	Quốc lộ 20, Hiệp An, Đức Trọng, Lâm Đồng
2	Xí Nghiệp Gạch ngói Tuynel Thanh Mỹ	Nghĩa Lập, Thanh Mỹ, Đơn Dương, Lâm Đồng
3	Xí Nghiệp Hiệp Tiến	Phường Lộc Tiến, Thị xã Bảo Lộc, Lâm Đồng
4	Xí Nghiệp Bê tông Hiệp Lực	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt
5	Xí Nghiệp Xây Lắp	Đã ngừng hoạt động từ năm 2007
6	Xí Nghiệp Đá Cát	Đã ngừng hoạt động từ năm 2011

Ngoài ra, Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”)

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và kinh doanh khoáng sản

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp giao thông, thủy lợi và nước sinh hoạt, san lấp mặt bằng
- Kinh doanh vận chuyển hàng
- Khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản
- Hoạt động xuất nhập khẩu
- Trồng rừng



1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	17B Phù Đổng Thiên Vương, P.8, TP Đà Lạt	100%	100%
2.	Công ty CP Hiệp Thành	Tam Bó, Di Linh, Lâm Đồng	58.48%	58.48%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng, báo cáo tài chính các công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

▪ Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

▪ Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

▪ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

▪ Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

▪ Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình



Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

▪ **Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

▪ **Phương pháp khấu hao**

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 15 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Cây lâu năm và tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07 năm
+ Tài sản cố định vô hình	17 - 26 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.



- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:
 - + Tại Xí Nghiệp Hiệp Tiến: theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000273 ngày 09/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy cao lanh Hiệp Tiến được hưởng ưu đãi thuế như sau: được miễn thuế TNDN trong 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ phần đầu tư mở rộng và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng Xí Nghiệp được giảm 50% số thuế phải nộp.
 - + Tại Xí Nghiệp Gạch Ngói Tuynen Thạnh Mỹ: theo Giấy chứng nhận đầu tư số 42121000275 ngày 13/06/2008, dự án đầu tư mở rộng nhà máy gạch Tuynen Thạnh Mỹ được hưởng ưu đãi thuế như sau: được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, ngoài ra Xí Nghiệp được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Năm 2012 là năm cuối cùng Xí Nghiệp được giảm 50% số thuế phải nộp.
- Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

▪ Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan



Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ tài chính này:

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Chênh lệch
Các khoản giảm trừ doanh thu	239.301.066	58.360.850	180.940.216
Giá vốn hàng bán	160.776.109.873	147.197.611.151	13.578.498.722
Chi phí tài chính	7.960.137.447	7.077.830.179	882.307.268
Chi phí bán hàng	9.012.657.309	23.654.403.515	(14.641.746.206)
Cộng	177.988.205.695	177.988.205.695	-

Nguyên nhân trình bày lại số kỳ trước trên bảng kết quả kinh doanh: phân loại lại một số chi phí cho phù hợp với nội dung phát sinh

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	461.829.406	610.167.980
Tiền gửi ngân hàng	3.635.556.212	15.268.370.804
Các khoản tương đương tiền	21.360.120.125	26.923.000.000
Tổng cộng	25.457.505.743	42.801.538.784

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	25.850.211.035	28.089.973.336
Trả trước cho người bán	568.819.000	2.980.773.552
Các khoản phải thu khác	5.517.778.556	2.407.696.555
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	31.936.808.591	33.478.443.443
Dự phòng phải thu khó đòi	(8.897.511.776)	(6.550.101.501)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	23.039.296.815	26.928.341.942

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	224.383.562
Ứng trước cổ tức cho cổ đông	784.695.000	1.891.100.000
Phải thu khách hàng mảng xây lắp	4.367.273.866	-
Khác	365.809.690	292.212.993
Cộng	5.517.778.556	2.407.696.555

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.397.178.837	9.774.242.598
Công cụ, dụng cụ	715.864.692	432.133.177
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.308.492.533	4.689.035.251
Thành phẩm	15.153.475.297	15.227.361.668
Hàng hóa	1.463.315.748	19.201.572
Cộng giá gốc hàng tồn kho	31.038.327.107	30.141.974.266
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(685.207.739)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	30.353.119.368	30.141.974.266

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.057.033.570	333.236.292
Chi phí palet gỗ kê gạch	-	391.500.000
Chi phí bóc tảng phủ	397.978.955	132.091.476
Chi phí sửa chữa xe	-	207.424.670
Thuế tài nguyên chờ phân bổ	195.412.495	294.040.141
Phí bảo vệ môi trường chờ phân bổ	73.424.394	90.049.362
Khác	7.339.000	149.992.119
Tổng cộng	1.731.188.414	1.598.334.060

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Đây là khoản tạm ứng cho nhân viên.



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG
Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt
Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	51.948.322.491	98.133.262.086	20.538.211.136	1.672.854.711	520.611.939	316.407.819	173.129.670.182
Mua trong năm	1.355.800.848	2.837.900.329	1.094.131.878	119.718.182	-	-	5.407.551.237
Tăng khác	-	1.146.725.714	136.000.000	-	-	-	1.282.725.714
Phân loại lại	-	163.732.554	(163.732.554)	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	(1.121.298.852)	(8.134.895.367)	(831.645.590)	(99.833.000)	-	-	(10.187.672.809)
Số dư cuối năm	52.182.824.487	94.146.725.316	20.772.964.870	1.692.739.893	520.611.939	316.407.819	169.632.274.324
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	24.979.453.899	53.250.173.275	11.323.963.724	1.446.583.945	257.136.669	247.395.437	91.504.706.949
Khấu hao trong năm	3.125.747.445	9.318.234.688	2.077.125.653	111.666.538	61.608.732	17.258.172	14.711.641.228
Tăng khác	-	1.146.725.714	136.000.000	-	-	-	1.282.725.714
Phân loại lại	-	(63.825.813)	63.825.813	-	-	-	-
Giảm do thanh lý	(442.260.775)	(6.298.112.537)	(831.645.590)	(99.833.000)	-	-	(7.671.851.902)
Số dư cuối năm	27.662.940.569	57.353.195.327	12.769.269.600	1.458.417.483	318.745.401	264.653.609	99.827.221.989
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	26.968.868.592	44.883.088.811	9.214.247.412	226.270.766	263.475.270	69.012.382	81.624.963.233
Tại ngày cuối năm	24.519.883.918	36.793.529.989	8.003.695.270	234.322.410	201.866.538	51.754.210	69.805.052.335

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 38.274.68.652 đồng



5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Hệ thống QL chất lượng ISO	Quyền sử dụng đất	Chi phí thăm dò hàm mỏ	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	431.993.275	1.349.197.000	2.528.795.098	26.500.000	4.336.485.373
Tăng trong năm	-	285.600.000	-	436.800.000	722.400.000
Số dư cuối năm	431.993.275	1.634.797.000	2.528.795.098	463.300.000	5.058.885.373
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	342.173.024	1.120.786.000	1.593.819.650	6.625.000	3.063.403.674
Khấu hao trong năm	73.310.256	-	231.309.804	11.321.770	315.941.830
Số dư cuối năm	415.483.280	1.120.786.000	1.825.129.454	17.946.770	3.379.345.504
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	89.820.251	228.411.000	934.975.448	19.875.000	1.273.081.699
Tại ngày cuối năm	16.509.995	514.011.000	703.665.644	445.353.230	1.679.539.869

Nguyên giá tài sản cố định khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.305.275.015 đồng

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Tái đánh giá hệ thống Iso	-	127.063.000
Tám lót nguội Hiệp An	-	19.153.181
Nhà máy cao lanh Hiệp Tiến	-	677.770.000
Công trình lò phơi	-	380.347.288
Máng cấp nguội	61.165.000	-
Nhà che máy xay samot hạt lớn	57.928.364	-
Chi phí đền bù mỏ N'Thon Ha	127.025.250	-
Chi phí khoan giếng	74.500.416	-
Khác	2.625.000	-
Tổng cộng	323.244.030	1.204.333.469

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

Trong kỳ, Tập đoàn đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty CP Hiệp Phú



5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
CCDC chờ phân bổ	1.760.574.780	1.606.381.198
Chi phí đền bù để khai thác mỏ	1.226.273.985	1.089.865.443
Chi phí bóc tầng phủ	516.959.607	-
Khác	95.376.993	238.703.208
Tổng cộng	3.599.185.365	2.934.949.849

5.11. Tài sản dài hạn khác

Đây là khoản ký quỹ bảo vệ môi trường cho việc khai thác mỏ

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	10.416.267.745	11.278.924.122
Người mua trả tiền trước	2.318.674.340	1.043.346.043
Tổng cộng	12.734.942.085	12.322.270.165

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	516.531.777	490.082.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.108.106.429	479.385.216
Thuế thu nhập cá nhân	80.845.235	9.757.981
Thuế tài nguyên	342.045.540	558.069.245
Các loại thuế khác	123.763.200	259.472.572
Tổng cộng	2.171.292.181	1.796.767.134

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển	-	538.397.000
Chi phí khác	65.109.000	592.162.077
Tổng cộng	65.109.000	1.130.559.077

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	10.487.872	10.487.872



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Kinh phí công đoàn	423.830.053	448.461.354
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	292.495.257
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.000.040.846	823.005.840
Tổng cộng	1.434.358.771	1.574.450.323



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

5.16. Vốn chủ sở hữu

5.16.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Cổ phiếu quỹ	Quỹ thuộc chủ sở hữu	LN sau thuế chưa PP	Cộng
Số dư đầu năm trước	85.000.000.000	21.378.566.720	(2.549.053.629)	9.254.191.716	11.857.491.305	124.941.196.112
Tăng vốn trong năm	-	-	(1.823.081.886)	-	-	(1.823.081.886)
Lãi trong năm	-	-	-	-	13.075.328.402	13.075.328.402
Tăng khác	-	-	-	515.441.096	-	515.441.096
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(11.855.935.210)	(11.855.935.210)
Trích lập các quỹ	-	-	-	1.635.586.256	(673.488.196)	962.098.060
Giảm khác	-	-	-	(74.917.269)	(135.000.000)	(209.917.269)
Số dư đầu năm nay	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	11.330.301.799	12.268.396.301	125.605.129.305
Chia cho LICĐTS	-	-	-	(838.847.896)	2.033.139.878	1.194.291.982
LN trong năm	-	-	-	-	12.832.788.227	12.832.788.227
Trích quỹ	-	-	-	4.401.523.089	(4.936.632.328)	(535.109.239)
Chi quỹ	-	-	-	(356.546.742)	-	(356.546.742)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(17.361.260.000)	(17.361.260.000)
SD cuối năm	85.000.000.000	21.378.566.720	(4.372.135.515)	14.536.430.250	4.836.432.078	121.379.293.533



5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cổ phần	Số vốn góp	Tỷ lệ
Tổ chức trong nước	2.053.459	20.534.590.000	25.17%
Tổ chức nước ngoài	28.100	281.000.000	0.34%
Cá nhân trong nước	5.999.151	59.991.510.000	73.54%
Cá nhân nước ngoài	76.790	767.900.000	0.94%
Tổng cộng	8.157.500	81.575.000.000	100.00%

5.16.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.500.000	8.333.500
▪ Số lượng cổ phần được mua lại	(342.500)	(176.000)
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.157.500	8.157.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.16.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	12.832.788.227	13.075.328.402
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	8.157.500	8.177.155
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	1.573	1.599

5.17. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.823.727.557	7.941.489.593
Biến động lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	(1.194.291.982)	(1.150.901.914)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	1.563.005.120	2.033.139.878
Số dư cuối năm	9.192.440.695	8.823.727.557

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bentonite và giao khoán mỏ	355.561.483	5.146.826.600
Doanh thu gốm sứ chịu nhiệt	32.708.288.642	37.995.460.774
Doanh thu gạch	63.517.292.005	59.859.753.612

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Doanh thu cao lanh	33.923.769.576	42.253.580.581
Doanh thu bê tông	71.731.890.986	61.330.103.890
Doanh thu xây lắp	-	58.273.993
Doanh thu đá cát	-	10.282.897.157
Doanh thu thuần	<u>202.236.802.692</u>	<u>216.926.899.607</u>
6.2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bentonite và giao khoán mỏ	319.954.747	2.028.160.517
Giá vốn gốm sứ chịu nhiệt	30.067.653.514	33.164.983.852
Giá vốn gạch	48.954.088.963	48.334.063.852
Giá vốn cao lanh	24.426.777.166	30.508.178.783
Giá vốn bê tông	45.231.010.889	42.009.138.696
Giá vốn xây lắp	-	55.279.648
Giá vốn đá cát	-	4.676.304.525
Dự phòng hàng tồn kho	685.207.739	-
Cộng	<u>149.684.693.018</u>	<u>160.776.109.873</u>
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.185.045.363	4.362.703.898
Lãi do thanh lý khoản đầu tư	47.282.384	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.619.554	174.340.132
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Khác	-	461.849.845
Tổng cộng	<u>2.298.947.301</u>	<u>4.998.893.875</u>
6.4. Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.700.713.035	6.961.984.536
Chiết khấu thanh toán	321.011.101	904.604.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	64.544.384	23.548.202
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.913.893	-
Tổng cộng	<u>2.089.182.413</u>	<u>7.890.137.447</u>
6.5. Chi phí bán hàng		
	Năm nay	Năm trước

**CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Chi phí nhân viên bán hàng	1.612.067.692	2.453.124.132
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	1.525.079.888	2.347.223.208
Chi phí khấu hao	1.385.515.641	1.379.008.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.682.547.165	2.171.591.114
Chi phí bằng tiền khác	643.521.936	661.710.641
Tổng cộng	7.848.732.322	9.012.657.309

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.381.355.705	11.449.380.197
Chi phí vật liệu, bao bì	1.187.246.775	1.238.366.552
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	324.924.436	422.807.645
Chi phí khấu hao	1.061.344.294	1.044.949.904
Chi phí dự phòng	4.360.750.590	3.590.462.396
Thuế, phí và lệ phí	563.392.971	617.605.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	711.405.726	2.827.273.630
Chi phí bằng tiền khác	4.271.143.434	2.930.835.530
Tổng cộng	26.861.563.931	24.121.681.456

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý hàng tồn kho	1.036.899.691	-
Thu nhập cho thuê xe xúc	631.571.427	-
Xử lý công nợ	674.283.008	-
Bán phế liệu	122.017.727	331.962.795
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	18.181.818	274.957.362
Thu từ việc đền bù nhà xưởng	-	205.740.000
Thu nhập khác	247.829.076	568.725.317
Tổng cộng	2.730.782.747	1.381.385.474

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý TSCD	2.515.820.907	190.371.243
Phạt thuế	-	507.336.522
Chi phí di dời nhà xưởng	-	205.850.991

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG**

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Xử lý công nợ	122.992.292	-
Chi phí khác	141.091.557	366.498.282
Tổng cộng	2.779.904.756	1.270.057.038

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	18.002.456.300	20.237.892.320
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	4.450.595.423	1.986.810.855
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(3.284.902.743)	(1.951.832.960)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	19.168.148.980	20.272.870.215

Trong đó:

<i>Thu nhập được hưởng ưu đãi</i>	<i>3.972.102.903</i>	<i>1.877.985.419</i>
<i>Thu nhập không được hưởng ưu đãi</i>	<i>15.196.046.077</i>	<i>18.394.884.796</i>
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.792.037.245	5.583.658.650
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	(998.763.901)	(515.441.096)
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	3.793.273.344	5.068.217.554

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay
Chi phí nhân công	47.103.145.956
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	80.894.639.296
Chi phí công cụ, đồ dùng	2.223.221.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.027.583.057
Chi phí dự phòng	5.045.958.329
Thuế, phí, lệ phí	1.671.726.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.904.825.977
Chi phí khác bằng tiền	9.517.570.182
Tổng cộng	184.388.670.722

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trong nước và nước ngoài phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như:

- Kinh doanh vật liệu xây dựng; giao khoán và khai thác mỏ
- Sản xuất và kinh doanh gốm sứ chịu lửa



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương ĐaLạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

- Khai thác và chế biến cao lanh
- Khai thác đá và sản xuất bê tông chịu lực
- Sản xuất gạch Tuynel



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo ngành nghề kinh doanh cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Kinh doanh VLXD và khai						
	thác mỏ	Gốm sứ chịu lửa	Gạch	Cao lanh	Đá, Bê tông	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu thuần	10.679.874.115	33.043.335.642	63.517.292.005	37.460.783.362	86.811.146.086	(29.275.628.518)	202.631.549.692
GVHB	9.234.011.939	31.087.908.253	49.932.609.230	28.014.685.856	60.139.109.136	(28.723.631.396)	150.079.440.018
Lãi gộp	1.122.342.188	1.955.427.389	13.584.682.775	9.446.097.506	26.672.036.950	(551.997.122)	52.552.109.674
Chi phí bán hàng	212.387.337	1.456.930.359	565.856.802	683.543.736	4.930.014.088	-	7.848.732.322
Chi phí QLDN	9.377.518.546	3.630.038.361	5.680.581.201	2.899.207.076	5.279.774.303	(5.555.556)	26.861.563.931
Lợi nhuận từ HD bán hàng	(8.467.563.696)	(2.808.021.343)	7.338.244.772	5.863.346.694	16.462.248.559	(546.441.566)	17.841.813.421
Doanh thu tài chính	4.442.333.937	22.337.290	1.052.271.142	9.792.814	9.842.397	(3.237.630.279)	2.298.947.301
Chi phí tài chính	208.792.218	898.731.505	131.604.468	443.087.625	406.966.597	-	2.089.182.413
Lợi nhuận từ HD tài chính	4.233.541.719	(876.394.215)	920.666.674	(433.294.811)	(397.124.200)	(3.237.630.279)	209.764.888
Thu nhập khác	1.360.141.819	312.713.112	1.040.722.967	39.561.522	177.643.327	(200.000.000)	2.730.782.747
Chi phí khác	80.535.866	1.429.021.687	499.652.990	617.750.816	152.943.396	-	2.779.904.756
Lợi nhuận từ HD khác	1.279.605.953	(1.116.308.575)	541.069.977	(578.189.294)	24.699.931	(200.000.000)	(49.122.009)
Lợi nhuận trước thuế	(2.954.416.024)	(4.800.724.133)	8.799.981.423	4.851.862.589	16.089.824.290	(3.984.071.845)	18.002.456.300
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.188.026.246	81.972.964	897.515.625	117.538.545	508.219.964	-	3.793.273.344
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	(186.610.391)	(186.610.391)
Lợi nhuận sau thuế	(5.142.442.269)	(4.882.697.097)	7.902.465.798	4.734.324.044	15.581.604.325	(3.797.461.454)	14.395.793.347
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	1.563.005.120	-	-	-	1.563.005.120
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	(5.142.442.269)	(4.882.697.097)	6.339.460.678	4.734.324.044	15.581.604.325	(3.797.461.454)	12.832.788.227



CÔNG TY CP KHÓANG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Doanh thu	199.558.577.869	31.953.853.341	(29.275.628.518)	202.236.802.692
GVHB	150.230.424.699	28.177.899.715	(28.723.631.396)	149.684.693.018
Chi phí bán hàng	6.880.283.864	968.448.458	-	7.848.732.322
Chi phí QLDN	23.891.028.720	2.976.090.767	(5.555.556)	26.861.563.931
Kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế, trước hoạt động tài chính và trước hoạt động khác	18.556.840.586	(168.585.599)	(546.441.566)	17.841.813.421
Thu nhập tài chính				2.298.947.301
Chi phí tài chính				(2.089.182.413)
Thu nhập khác				2.730.782.747
Chi phí khác				(2.779.904.756)
Thuế TNDN				(3.606.662.953)
Lợi ích của cổ đông thiểu số				1.563.005.120
Lợi nhuận sau thuế của CĐ mẹ				12.832.788.227

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Trong nước	Nước ngoài	Loại trừ	Cộng
Tài sản bộ phận	186.150.846.313	886.686.690	(20.746.718.538)	166.290.814.465
Tài sản không phân bổ	(9.582.719.515)	-	305.336.609	(9.277.382.906)
Tổng tài sản	176.568.126.798	886.686.690	(20.441.381.929)	157.013.431.559
Nợ phải trả bộ phận	32.976.390.209	-	(6.534.692.878)	26.441.697.331
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	32.976.390.209	-	(6.534.692.878)	26.441.697.331



8. Thông tin về các bên có liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Hiệp Thành	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Hiệp Thịnh Phát	Công ty con
3. Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng	Cổ đông

8 Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất

9 Tại ngày 31/12/2012, số dư phải thu Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng là 104.740.000 đồng

10 Giao dịch với Công ty CP Thủy Lợi Lâm Đồng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	371.168.636	-
Mua hàng	96.000.000	-

11 Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng giám đốc Công ty mẹ:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị công ty mẹ	288.000.000	234.000.000
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc công ty mẹ	790.989.000	941.829.000
Tổng cộng	1.078.989.000	1.175.829.000

9. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012



Tiền và các khoản tương đương tiền	25.457.505.743	42.801.538.784
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.319.973.125	21.764.255.397
Đầu tư ngắn hạn	-	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	635.946.730	568.840.857
Tổng cộng	47.413.425.598	70.134.635.038
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	34.082.945.758
Phải trả nhà cung cấp	10.416.267.745	11.278.924.122
Chi phí phải trả	65.109.000	1.130.559.077
Tổng cộng	10.481.376.745	46.492.428.957

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	67.311,71	296.158,12



▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	10.416.267.745	-	10.416.267.745
Chi phí phải trả	65.109.000	-	65.109.000
Các khoản vay	-	-	-
Cộng	10.481.376.745	-	10.481.376.745
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả nhà cung cấp	11.278.924.122	-	11.278.924.122
Chi phí phải trả	1.130.559.077	-	1.130.559.077
Các khoản vay	18.802.271.248	15.280.674.510	34.082.945.758
Cộng	31.211.754.447	15.280.674.510	46.492.428.957

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.952.699.259	4.367.273.866	21.319.973.125
01/01/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.616.655.745	1.147.599.652	21.764.255.397

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

Địa chỉ 17B Phù Đổng Thiên Vương Đà Lạt

Điện thoại: (063).832511- 827127 Fax: (063).830142 - 554065

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 31 tháng 03 năm 2013.

(Toàn bộ báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012 được đăng tải trên website công ty: [www.lbm-vn.vn](http://www.lbm.vn.vn)).

Đà Lạt, ngày 31 tháng 03 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC *[Signature]*



[Signature]

NGUYỄN AN THÀI